TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2019/DS-ST
Ngày: 27-11-2019
"V/v Tranh chấp về hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Trang

2. Bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 13/2019/TB-TĐTGMPT ngày 18 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thanh H, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T H, xã N A, huyện A B, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T H, xã N A, huyện A B, Kiên Giang.

Thời gian tới tạm trú: ấp 10 B, xã T H, huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 16/10/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thanh H trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị làm chủ hụi, chị tổ chức tham gia góp hụi, chị Lê Thị Thanh Th có tham gia góp hụi như sau:

- Vào ngày 15/6/2017 âl, mở 01 dây hụi tháng, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 34 phần, mở 01 lần vào ngày 15, chị Lê Thị Thanh Th tham gia 01 phần, góp được 10 lần thì lĩnh góp hụi và góp hụi chết 07 lần không góp nữa, còn lại 17 lần chưa góp với số tiền được lĩnh là 34.000.000 đồng, hụi mãn vào tháng 3 năm 2020. Đến nay mở hụi 11 lần, chị Lê Thị Thanh Th chưa góp với số tiền 22.000.000 đồng và còn lại 06 lần chưa mở hụi với số tiền 12.000.000 đồng.

- Vào ngày 01/8/2017 âl, mở 01 dây hụi mỗi tháng 02 lần, loại hụi 500.000 đồng, gồm 44 phần, mở vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, chị Lê Thị Thanh Th tham gia 03 phần, góp được 10 lần thì lĩnh hết 03 phần hụi, góp hụi chết đến tháng 10/2018, còn lại 14 lần x 500.000 đồng x 03 phần, chị Lê Thị Thanh Th chưa góp hụi với số tiền là 21.000.000 đồng, hụi mãn vào ngày 15/5/2019 âl.

Sau đó chị Lê Thị Thanh Th có trả cho chị được 1.000.000 đồng, tổng 02 dây hụi nói trên chị Lê Thị Thanh Th chưa góp hụi cho chị đến ngày hôm nay với số tiền là 42.000.000 đồng, đến ngày mãn hụi là 54.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu chị Lê Thị Thanh Th phải trả cho chị số tiền hụi là 42.000.000 đồng, số tiền hụi chưa mãn 12.000.000 đồng, mỗi tháng phải góp cho chị 3.000.000 đồng, góp đến khi nào hết số tiền hụi còn nợ là 54.000.000 đồng, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Lê Thị Thanh Th trình bày như sau*:

Chị thừa nhận, chị có tham gia góp hụi do chị Trần Thanh H trình bày nêu trên, cụ thể:

- Vào ngày 15/6/2017 âl, chị tham gia góp hụi 01 phần hụi loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 34 phần, mở 01 lần vào ngày 15, chị góp hụi sống được 10 lần thì lĩnh và chị góp hụi chết 07 lần không góp nữa, còn lại chị H 17 lần hụi với số tiền được lĩnh là 34.000.000 đồng, hụi mãn vào tháng 3 năm 2020. Đến nay mở hụi 11 lần chị chưa góp với số tiền 22.000.000 đồng.

- Vào ngày 01/8/2017 âl, chị có tham gia góp 01 dây hụi mỗi tháng 02 lần, loại hụi 500.000 đồng, gồm 44 phần, mở vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, chị tham gia 03 phần, góp được 10 lần thì lĩnh hết 03 phần hụi, góp hụi chết đến tháng 10/2018, còn lại 14 lần x 500.000 đồng x 03 phần, chị chưa góp hụi với số tiền là 21.000.000 đồng, hụi mãn vào ngày 15/5/2019 âl.

Tổng 02 dây hụi nói trên chị chưa góp hụi chết cho chị H đến ngày mãn hụi là 55.000.000 đồng, chị đã trả được 1.000.000 đồng, đến ngày hôm nay với số tiền là 42.000.000 đồng.

Sau khi không góp hụi thì chị và chị H có thỏa thuận là mỗi tháng chị góp hụi cho chị H 1.000.000 đồng, không làm văn bản giấy tờ gì mà thỏa thuận bằng lời nói, sau đó chị góp được 01 lần, tháng sau chị góp tiếp thì chị H không đồng ý. Nay chị đồng ý trả cho chị H số tiền hụi 54.000.000 đồng, chị hẹn trả cho chị

H đủ 01 lần vào tháng 10/2025 với số tiền 54.000.000 đồng, nếu trả mỗi tháng 500.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền hụi còn nợ là 54.000.000 đồng.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Giấy chứng minh nhân dân Trần Thanh H và sổ hộ khẩu, Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của người bị kiện ngày 19/7/2019, 02 Danh sách tham gia chơi hụi, Giấy cam kết ngày 09/12/2018, Biên bản hòa ngày 13/7/2019 của Tổ hòa giải ấp T H.

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Trần Thanh H yêu cầu chị Lê Thị Thanh Th phải trả cho chị số tiền hụi là 42.000.000 đồng, số tiền hụi chưa mãn 12.000.000 đồng, mỗi tháng phải góp cho chị 3.000.000 đồng, góp đến khi nào hết số tiền hụi còn nợ là 54.000.000 đồng, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Lê Thị Thanh Th thừa nhận, chị có tham gia góp hụi do chị Trần Thanh H làm chủ, chị chưa góp hụi chết cho chị H đến ngày hôm nay với số tiền là 42.000.000 đồng, đến ngày mãn hụi là 54.000.000 đồng. Nay chị hẹn trả cho chị H số tiền hụi nêu trên, trả đủ 01 lần vào tháng 10/2025 với số tiền 54.000.000 đồng, còn góp tiếp mỗi tháng 500.000 đồng góp đến khi nào hết số tiền hụi còn nợ là 54.000.000 đồng, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thanh H khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Lê Thị Thanh Th trả tiền hụi còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp T H, xã N A, huyện A B, Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung: Xét về hợp đồng góp hụi giữa chị Trần Thanh H và chị Lê Thị Thanh Th xác lập hợp đồng bằng lời nói, hụi có lãi, chủ hụi chị H lập danh sách những người tham gia góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Nghị định số: 144/ 2006/ NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biêu, phường.

[3] Xét khởi kiện của chị Trần Thanh H yêu cầu chị Lê Thị Thanh Th trả tiền hụi đến ngày mở hụi còn nợ là 42.000.000 đồng là phù hợp với lời thừa nhận của chị Th là có thật và thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối yêu cầu của chị H đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ đó, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của chị H, lời trình bày thừa nhận của chị Th phù hợp về số lượng tiền hụi mà chị Th còn nợ chị H số tiền là 42.000.000 đồng. Chị Th đồng ý trả số tiền hụi còn nợ chị H đến ngày mở hụi, nhưng về thời gian và phương thức trả thì tại phiên họp hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Th hẹn trả cho chị H vào tháng 10/2025, còn nếu như góp thì chị góp mỗi tháng 500.000 đồng góp đến khi nào hết số tiền hụi còn nợ; chị H không đồng ý mà yêu cầu chị Th trả cho chị mỗi tháng 3.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền nợ nói trên là không thống nhất với nhau về thời gian và phương thức trả nợ nên Hội đồng xét xử không thể ghi nhận sự thỏa thuận của các đượng sự, mà giải quyết vụ kiện theo quy định pháp luật, khi nào bản án có hiệp luật pháp luật sẽ thi hành.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc chị Lê Thị Thanh Th phải trả cho chị Trần Thanh H số tiền hụi còn nợ đến này mở hụi là 42.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 30 của Nghị định số: 144/2006/NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biêu, phường.

Đối với số tiền hụi chưa mãn 12.000.000 đồng (11 lần chưa đến ngày mở hụi), chị Trần Thanh H chưa khởi kiện nên không xem xét. Sau này mãn hụi, chị Trần Thanh H có khởi kiện sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghi quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Buộc chị Lê Thị Thanh Th phải trả cho chị Trần Thanh H số tiền hụi còn nợ đến này mở hụi là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đối với số tiền hụi chưa mãn 12.000.000 đồng, 11 lần chưa đến ngày mở hụi, chị Trần Thanh H chưa khởi kiện nên không xem xét. Sau này chị Trần Thanh H có khởi kiện sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.100.000 đồng (42.000.000 đồng x 5%).

Chị Trần Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị Trần Thanh H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.050.000 đồng theo các biên lai thu số 0002121 ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 27/11/2019.

Trường hợp bản án này được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Sang).

Trần Văn Thảo